

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức khen thưởng cho vận
động viên, huấn luyện viên và chế độ bồi dưỡng
cho lực lượng phục vụ thi đấu thể thao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg, ngày 26/04/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg, ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH-UBTDTT, ngày 02/04/2007 của Liên bộ: Bộ Tài chính- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội- Ủy ban Thể dục Thể thao, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT, ngày 17/11/2006 của Liên bộ: Bộ Tài chính- Ủy ban Thể dục Thể thao về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao;

Theo đề nghị của Liên sở: Sở Tài chính - Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 355/TTrLS-TC-VHTTDL, ngày 15 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên và chế độ bồi dưỡng cho lực lượng phục vụ thi đấu thể thao với các nội dung sau:

A. Chế độ khen thưởng các giải thi đấu thể dục thể thao.

I. Giải thưởng giải vô địch toàn quốc trong hệ thống thành tích cao.

1. Giải toàn đoàn;

- Nhất: 5.000.000 đồng
- Nhì: 4.000.000 đồng
- Ba: 3.000.000 đồng

2. Giải đồng đội;

- Nhất: 3.000.000 đồng
- Nhì: 2.000.000 đồng
- Ba: 1.000.000 đồng

3. Môn cá nhân;

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên giải	Thành tích			
		Vàng	Bạc	Đồng	Phá kỷ lục
1	Giải vô địch quốc gia	5	3	2	5

2	Giải vô địch trẻ quốc gia				
	Giải vô địch trẻ Quốc gia dưới 12 tuổi	1	0,6	0,4	1
	Giải vô địch trẻ Quốc gia 12 đến dưới 16 tuổi	1,5	0,9	0,6	1,5
	Giải vô địch trẻ Quốc gia 16 đến dưới 18 tuổi	2	1,2	0,8	2
	Giải vô địch trẻ Quốc gia 18 đến dưới 21 tuổi	2,5	1,5	1,0	2,5

- Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo hoặc huấn luyện thi đấu VDV lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với VDV. Trong đó huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được hưởng 40%, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu được hưởng 60%;

- Những VDV có thành tích tại các giải thi đấu khu vực Đông Nam Á, châu lục, Quốc tế, thì mức tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg, ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Môn tập thể;

Đơn vị tính: Triệu đồng

	môn	Thăng vòng loại	Hoà sân nhà	Hoà sân khá c h	Thán g vòng CK	Huy chương vàng (Nhất)	Huy chương bạc (Nhì)	Huy chương đồng (Ba)	Thăng hạng
I	Bóng đá								
1	Đội tuyển tỉnh	20	8	10		5 x Số lượng	3 x Số lượng	2 x Số lượng	150
2	18 đến dưới 21 tuổi					2,5 x Số lượng	1,5 x Số lượng	1,0 x Số lượng	
3	16 đến dưới 18 tuổi					2 x Số lượng	1,2 x Số lượng	0,8 x Số lượng	
4	12 đến dưới 16 tuổi					1,5 x Số lượng	0,9 x Số lượng	0,6 x Số lượng	
5	Dưới 12					1,0 x Số lượng	0,6 x Số lượng	0,4 x Số lượng	
II	Bóng Chuyền								
1	Bóng chuyền A1	5			10	4 x Số lượng	3 x Số lượng	2 x Số lượng	50
2	18 đến dưới 21					2,5 x Số lượng	1,5 x Số lượng	1,0 x Số lượng	

	tuổi								
3	16 đến dưới 18 tuổi					2 x Số lượng	1,2 x Số lượng	0,8 x Số lượng	
4	12 đến dưới 16 tuổi					1,5 x Số lượng	0,9 x Số lượng	0,6 x Số lượng	
II	Đôi với các môn có nội dung thi đấu đôi, đồng đội.								
I									
1	Giải vô địch toàn quốc					5 x Số lượng	3 x Số lượng	2 x Số lượng	
2	Giải trẻ toàn quốc					2,5 x Số lượng	1,5 x Số lượng	1,0 x Số lượng	
3	Hội thi thể thao toàn quốc					2,5 x Số lượng	1,5 x Số lượng	1,0 x Số lượng	

- Số lượng nêu trên là số lượng vận động viên tham gia thi đấu theo đội hình đăng ký chính thức (ví dụ: Đội tuyển bóng đá 18 VĐV...);

- Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo hoặc huấn luyện thi đấu các đội lập thành tích trong thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với VĐV. Trong đó huấn luyện viên trực tiếp đào tạo được hưởng 40%, huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu được hưởng 60%;

- Số lượng huấn luyện viên của các đội và đồng đội được tính như sau;

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 VĐV tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 VĐV tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 VĐV trở lên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên;

- Các giải Cúp quốc gia, Quốc tế mở rộng, giải khu vực, mức khen thưởng cá nhân hoặc tập thể bằng 50% mức thưởng trên;

II. Giải thưởng thi đấu toàn quốc trong hệ thống phong trào, do Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc các Bộ chủ trì phối hợp với Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch đồng tổ chức.

1. Giải toàn đoàn;

- Nhất: 5.000.000 đồng
- Nhì: 3.000.000 đồng
- Ba: 2.000.000 đồng

2. Giải đồng đội;

- Nhất: 3.000.000 đồng
- Nhì: 2.000.000 đồng
- Ba: 1.000.000 đồng

3. Giải cá nhân;

- Huy chương vàng: Đơn 2.000.000 đồng

Đôi

4.000.000 đồng

- Huy chương bạc:	1.500.000 đồng	3.000.000 đồng
- Huy chương đồng:	1.000.000 đồng	2.000.000 đồng

III. Giải thưởng cho các giải thể thao do tỉnh tổ chức (Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tổ chức).

1. Giải đồng đội;

a. Bóng đá;

- Nhất: 5.000.000 đồng
- Nhì: 4.000.000 đồng
- Ba: 3.000.000 đồng
- Giải phong cách: 3.000.000 đồng

b. Bóng chuyền, bóng đá mi ni, bóng rổ, bóng ném;

- Nhất: 4.000.000 đồng
- Nhì: 3.000.000 đồng
- Ba: 2.000.000 đồng
- Giải phong cách: 2.000.000 đồng

c. Bóng bàn, cầu lông, đá cầu, bi sắt, thể thao dân tộc, quần vợt...;

- Nhất: 3.000.000 đồng
- Nhì: 2.000.000 đồng
- Ba: 1.000.000 đồng

2. Giải cá nhân và đôi;

	<u>Đôi</u>	<u>Đơn</u>
- Nhất:	2.000.000 đồng	1.200.000 đồng
- Nhì:	1.500.000 đồng	800.000 đồng
- Ba:	1.000.000 đồng	600.000 đồng

3. Các môn điền kinh, việt dã, đua xe đạp, quyền anh, võ cổ truyền, wushu, Taekwondo, karatedo...;

	<u>Toàn đoàn</u>	<u>Đồng đội</u>	<u>Cá nhân</u>
- Nhất	2.000.000 đồng	2.000.000 đồng	1.200.000 đồng
- Nhì	1.500.000 đồng	1.500.000 đồng	800.000 đồng
- Ba	1.000.000 đồng	1.000.000 đồng	600.000 đồng
- Giải khuyến khích:	500.000 đồng		

* Riêng đua xe đạp giải cá nhân:

- Nhất: 1.500.000 đồng
- Nhì: 1.000.000 đồng
- Ba: 700.000 đồng
- Giải khuyến khích: 500.000 đồng

B. Chế độ bồi dưỡng phục vụ các giải thi đấu thể dục thể thao.

I. Đối với các giải thi đấu quốc gia, khu vực do địa phương đăng cai tổ chức.

1. Chế độ bồi dưỡng cho ban tổ chức và các thành viên khác chỉ theo chế độ do điều lệ giải của Ban tổ chức giải Quốc gia quy định. Trường hợp điều lệ không quy định cho toàn bộ các thành viên hoặc một bộ phận thành viên thì mức chi cụ thể như sau:

a. Bồi dưỡng các thành viên Ban tổ chức:

- Trong nhà: 60.000 đồng/buổi
- Ngoài trời: 70.000 đồng/buổi

b. Bồi dưỡng cho người phục vụ: công an, quân đội, y tế, phục vụ khác;

- Trong nhà: 40.000 đồng/buổi
- Ngoài trời: 50.000 đồng/buổi

2. Bồi dưỡng trọng tài.

a. Bóng đá;

- Giám sát: 100.000 đồng/trận
- Trọng tài chính: 100.000 đồng/trận
- Trọng tài biên: 70.000 đồng/trận
- Các trọng tài khác: 50.000 đồng/trận

b. Môn bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, bóng đá mi ni;

- Trọng tài chính: 55.000 đồng/trận
- Giám sát: 55.000 đồng/trận
- Trọng tài hai: 40.000 đồng/trận
- Các trọng tài khác: 50.000 đồng/buổi

c. Môn điền kinh, bơi lội, đua xe, quần vợt, bi sắt, bóng bàn, đá cầu, cầu mây, cầu lông, đẩy cây, bắn nỏ, kéo co, võ thuật ...;

- Trọng tài: 70.000 đồng/buổi

3. Tiền ăn, ở cho giám sát và trọng tài;

- Tiền ở theo chế độ quy định hiện hành
- Tiền ăn: 70.000 đồng/ngày/người
- Tiền đi lại thanh toán theo thực tế

II. Đối với giải phong trào do tỉnh tổ chức.

1. Bồi dưỡng các thành viên ban tổ chức;

- Trong nhà: 60.000 đồng/buổi
- Ngoài trời: 70.000 đồng/buổi

2. Bồi dưỡng cho người phục vụ: công an, quân đội, y tế, phục vụ khác;

- Trong nhà: 40.000 đồng/buổi
- Ngoài trời: 50.000 đồng/buổi

3. Tiền bồi dưỡng trọng tài;

a. Bóng đá;

- Trọng tài chính: 80.000 đồng/trận
- Giám sát: 80.000 đồng/trận
- Trọng tài biên: 60.000 đồng/trận
- Các trọng tài khác: 50.000 đồng/trận

b. Các môn bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, bóng đá mi ni;

- Trọng tài chính: 50.000 đồng/trận
- Giám sát: 50.000 đồng/trận
- Trọng tài hai: 40.000 đồng/trận
- Các trọng tài khác: 35.000 đồng/trận

c. Các môn bóng bàn, cầu lông, đá cầu, cầu mây, võ thuật, quần vợt, bi sắt, điền kinh, bơi lội, đua xe, thể thao dân tộc...;

- Trọng tài chính: 60.000 đồng/buổi
- Các trọng tài khác: 50.000 đồng/buổi

d. Các giải tổ chức vào ngày lễ, tết được tăng thêm 50%; ban đêm được tăng thêm 20% so với qui định.

III. Hợp đồng huấn luyện viên và vận động viên.

1. Căn cứ vào các nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm, nguồn vận động, tài trợ ...), Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch ký hợp đồng với mức lương từ 20.000.000đồng/tháng trở xuống đối với huấn luyện viên, mức lương từ 10.000.000đồng/tháng trở xuống đối với vận động viên. Tùy theo khả năng chuyên môn của từng huấn luyện viên, vận động viên; thống nhất với cơ quan tài chính để ký mức lương cho phù hợp.

2. Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch thống nhất với cơ quan tài chính, dành một phần kinh phí sự nghiệp hàng năm để hỗ trợ các ngành, các địa phương trong tỉnh có phong trào thể dục thể thao tốt. Mức hỗ trợ không vượt quá 30.000.000 đ/lần.

3. Nguồn kinh phí: Sử dụng trong dự toán sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm và các nguồn vận động, tài trợ, quảng cáo....

4. Đối với các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột, tùy theo tình hình kinh phí để áp dụng mức chi phục vụ và tiền thưởng nhưng không vượt quá mức chi theo quy định này.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- PCVPUBND tỉnh;
- TTLT, TTTH, TM, TH;
- Lưu VT, TH, TM, VX.(T.45)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư